BẢN SAO

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC
****

C... ...T ĐIỆN MIỀN BẮC
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT
Ngày: 24 tháng 5 năm 2016

EVNNPS

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC
Sửa đổi bổ sung lần thứ 5-2016

HẢI DƯƠNG, THÁNG 5-2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47 /QĐ-NPS-HĐQT	*Hải Dương , ngày 25 tháng 5 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 5

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc;

Căn cứ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc ngày 19/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản **"Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc"**, Sửa đổi bổ sung lần thứ 5-2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành và các cổ đông của Công ty căn cứ Quyết định thực hiện.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 3202 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 26 tháng 5 năm 2016

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TH, TKHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Nguyễn Văn Tuấn

PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Hồng Toản

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc(dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2014. Điều lệ, các quy định của công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này đã được thông qua bởi các cổ đông sáng lập tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc ngày 29 tháng 06 năm 2007; gồm 20 chương; 54 điều và được bổ sung sửa đổi cho phù hợp các quy định của pháp luật và sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:

a) "**Công ty**" có nghĩa là Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc;

b)"***Hội đồng quản trị***" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

c)"***Địa bàn kinh doanh***" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;

d) Cổ đông:

-*Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

-*Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

e) ***"Vốn điều lệ"*** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và được ghi trong Điều lệ công ty

f"***Luật doanh nghiệp***" có nghĩa là Luật doanh nghiệp 2014

g) "***Ngày thành lập***" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

h)"***Pháp luật***" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật hiện hành

i)"***Cán bộ quản lý***" có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm là Cán bộ quản lý các đơn vị của Công ty;

j)"***Người có liên quan***" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp ;

k)"***Việt Nam***" có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "***người***" được hiểu là cá nhân hoặc cá nhân đại diện cho tổ chức.

5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật doanh nghiệp nghiệp hiện hành .

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH,VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

-Tên của Công ty bằng tiếng Anh:

North Power Service Joint Stock Company

-Tên viết tắt của Công ty là: **NPS**

2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam;

3. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

4. Trụ sở đăng ký của Công ty tại:

- Địa chỉ : Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 03203 582909

- Fax:03203 582905.

5. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty;

6. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc các hình thức hoạt động khác tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vị Pháp luật cho phép.

Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia và tất cả các hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo các quy định của pháp luật và của Công ty

7. Thời gian hoạt động của Công ty là 30 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời hạn hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo điều 48, điều 49 của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

8. Công ty giải thể và chấm dứt hoạt động theo pháp luật, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

LĨNH VỰC KINH DOANH

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

1. Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương;

2. Lắp đặt chuyển giao công nghệ thiết bị nhiệt, thiết bị điện;

3. Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình của nhà máy điện;

4. Mua bán vật tư , thiết bị phục vụ cho sản xuất công nghiệp.

5. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay.

6. Chế tạo và phục hồi các chi tiết, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế thuộc thiết bị các nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác.

7. Xây lắp các công trình nguồn, lưới điện và các công trình công nghiệp khác;

8. Cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị các nhà máy điện.

9. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, tour du lịch và đại lý du lịch.

10. Dịch vụ vận tải hàng hoá, nhiên liệu cho các nhà máy điện.

11. Xây lắp, duy tu, sữa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, các công trình thủy lợi.

12. Thiết kế, thi công các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia và tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, của Điều lệ này và tiến hành tất cả các biện pháp khác có ích hoặc thích hợp để đạt được mục tiêu của công ty. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5.: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vào ngày thông qua điều lệ này Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Tổng số Vốn điều lệ được chia thành 5.000.000 cổ phần(*Năm triệu cổ phần)* với mệnh giá là: 10.000 đồng /cổ phần *(mười nghìn đồng một cổ phần).*

2. Các cổ đông Công ty góp vốn bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, hay bằng tài sản *(Vật tư, trang thiết bị, nhà xưởng, đất đai...).* Cơ cấu vốn góp cụ thể được ghi tại phụ lục cổ đông sáng lập.

3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành chứng khoán các loại sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6. Cổ đông sáng lập của Công ty là tất cả các Cổ đông tham gia góp vốn và thông qua Điều lệ của Công ty lần đầu *(danh sách cổ đông sáng lập tại phụ lục kèm theo Điều lệ này).*

7. Sau khi đăng ký kinh doanh số cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành, tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, sẽ được (a) ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty, và/hoặc (b) chào bán cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty. Trong trường hợp chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, Công ty phải thông báo việc chào bán

công khai và cụ thể, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (*không ít hơn 21 ngày*) để Cổ đông đặt mua. Số cổ phần không được Cổ đông đặt mua sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư bên ngoài Công ty theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán theo quy định của Pháp luật.

8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, quy định trong Luật Doanh nghiệp và Pháp luật. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Khi có nhu cầu về vốn, theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty đăng ký kinh doanh.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

3. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một Giấy chứng nhận cổ đông. Giấy chứng nhận cổ đông có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Pháp luật, có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Công ty và phải được đóng dấu Công ty. Giấy chứng nhận cổ đông có giá trị để xác nhận và theo dõi các Cổ đông của Công ty.

4. Mọi thay đổi do chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng và các giao dịch khác liên quan đến cổ phần và việc sở hữu cổ phần phải được ghi nhận trong Sổ chứng nhận cổ đông.

5. Những người có tên trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một Giấy chứng nhận cổ đông trong vòng 2 tháng sau khi mua, nhận chuyển nhượng hợp lệ hoặc có quyền sở hữu cổ phần dưới hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

6. Cổ đông phải giữ gìn Giấy chứng nhận cổ đông cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhoè, mờ. Cổ đông có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận cổ đông. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những Sổ chứng nhận cổ đông này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Nếu Giấy chứng nhận cổ đông bị hỏng, bị tẩy xóa, bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì Cổ đông phải thông báo cho Công ty. Công ty sẽ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cổ đông mới theo yêu cầu của Cổ đông với điều kiện Cổ đông đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh hợp lệ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

8. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

9. Tuỳ từng thời kỳ, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết hoặc được đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

2.Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

3.Trừ khi Pháp luật có quy định khác, các cổ phiếu ghi tên có thể được chuyển nhượng bằng văn bản được ký hợp lệ bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận, kể cả hình thức trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Uỷ ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối việc đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phiếu ghi tên nào chưa được thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phiếu đã cam kết.

5.Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (*hoặc những người*) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Chào bán cổ phần, trái phiếu và mua lại cổ phần, trái phiếu

1. Để đáp ứng nhu cầu SXKD và sự phát triển, Công ty có thể phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần theo Điều 122; 123;124; 125 hoặc phát hành trái phiếu theo Điều 127 và 128 Luật Doanh nghiệp và được Đại Hội cổ đông thông qua.

2.Trong từng trường hợp cụ thể Công ty sẽ mua lại cổ phần theo Điều 129; 130 và 131 Luật Doanh nghiệp theo các quy định của Pháp luật và của Công ty

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Tổng Giám đốc điều hành
4. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a)Cổ đông phổ thông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, thảo luận và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b)Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông.

c) Được chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu.

e)Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm các báo cáo của Ban kiểm soát.

f)Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo trong các trường hợp quy định tại Điều 129,130 và 131 của Luật doanh nghiệp.

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có các quyền sau:

a).Ứng cử hoặc đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo khoản 2 và khoản 3 Điều 23, khoản 1 và khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này.

b).Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra những vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký của từng cổ đông. Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp.

d) Có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

e) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

f) Quyền của các Cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 11.Nghĩa vụ của Cổ đông Công ty

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán tiền góp cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký góp theo đúng thủ tục quy định.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty .

5. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm điều lệ này gây ra cho Công ty hoặc cho thành viên của Công ty.

e) Bất kỳ một cổ đông nào khi tham gia Công ty mặc nhiên tán thành Điều lệ này của Công ty.

Điều 12 . Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ này.

b) Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*).

c) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị có hành động hoặc ra quyết định vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.

d) Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị xét thấy vì lợi ích của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a)Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên còn lại như quy định tại điểm a hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm b hoặc điểm c khoản 3 của điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo điểm a nêu trên thì trong 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo như điểm b ở trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm b khoản 3 của Điều này có thể triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Pháp luật.

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều 138 và Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

e)Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các quyết định sau:

a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

b) Báo cáo của Ban kiểm soát.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị.

d) Định hướng phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua các quyết định bằng nghị quyết về các vấn đề sau:

a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

b) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mỗi loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.

d) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

f) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.

g) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

h) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý .

i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.

j) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

k) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

l) Thông qua các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo khoản 1 và khoản 3 điều 162 Luật doanh nghiệp và điều 33 của Điều lệ này.

m) Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập cho người không phải là Cổ đông Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:

a) Các hợp đồng quy định tại mục l khoản 2 điều này Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b)Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

Điều 14.Người đại diện theo uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền người đại diện phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận (*giấy uỷ quyền*) và:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức thì giấy uỷ quyền phải được ký bởi người đại diện theo Pháp luật của tổ chức và phải được đóng dấu của tổ chức.

3. Trường hợp văn bản chỉ định người đại diện theo uỷ quyền được một luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký thì giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của giấy uỷ quyền đó phải được (*nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty*) nộp cùng với giấy chỉ định người đại diện theo uỷ quyền. Nếu việc này không được thực hiện thì việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Phiếu biểu quyết của người đại diện theo uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định người đại diện theo uỷ quyền đó đã:

a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định người uỷ quyền; hoặc

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu.

5.Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 15.Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp và mục b khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a)Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b)Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c)Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 của Điều này trong các trường hợp sau:

a)Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b)Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng ;

c)Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

d)Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7.Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 16.Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4.Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông bầu ra người chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường

hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5.Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6.Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7.Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8.Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9.Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10.Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11.Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a)Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b)Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

4. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

5. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông(Điều 148 LDN)

a). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b). Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c). Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b)Mục đích lấy ý kiến;

c)Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d)Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e)Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f)Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

i)Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a)Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b)Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c)Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d)Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e)Các quyết định đã được thông qua;

f)Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười năm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nhiệp và khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, số lượng là 05 thành viên, nhiệm kỳ là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba*(1/3)* tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a)Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b)Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông của công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị do đại diện theo uỷ quyền các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 20% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử một(1) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 20% đến dưới 50% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử hai (2) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50 % đến dưới 70% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử ba (3) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 70 % số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử bốn(4) người để bầu vào Hội đồng quản trị.

e) Các cổ đông có quyền gộp số cổ phiếu có quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông của Công ty.

7 . Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Tổng Giám đốc, Phó Tổng Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau :

a) Không đủ tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức.

d) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

e) Không còn là cổ đông của Công ty hoặc không là Đại diện theo uỷ quyền phần vốn của Cổ đông của Công ty hoặc là Đại diện của cổ đông là tổ chức đã bị thay thế, giải thể.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật.

.3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 25. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty quy định chủ yếu bao gồm những quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a)Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn,dài hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Công ty, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công

ty và quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó theo pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty;

h)Giám sát Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

i) Quyết định mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu tổ chức các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

q) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

r)Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty, thành lập Công ty con.

- Đề nghị của Tổng Giám đốc công ty về việc bổ nhiệm và bãi nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý công ty(các chức danh trưởng, phó của phòng, ban, phân xưởng, xí nghiệp) và mức lương của họ.

- Việc vay nợ, cho vay, việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh có giá trị từ 500.000.000 đồng.

- Các khoản bồi thường của Công ty có giá 500.000.000 đồng.

- Các Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ trong SXKD có giá trị từ 1.000.000.000. đồng;

- Các hợp đồng mua bán tài sản cố định từ nguồn vốn chủ sở hữu, đầu tư trong kế hoạch được phê duyệt có giá trị từ 500.000.000 đồng.

-Đầu tư không nằm trong Kế hoạch với giá trị vượt quá 200.000.000 đồng, các khoản đầu tư trong kế hoạch vượt quá 10% giá trị kế hoạch.

(Việc thay đổi các hạn mức quy định trên đây để phù hợp với điều kiện thực tế phải được HĐQT thông qua và đưa vào nội dung sửa đổi Điều lệ tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp)

-Kế hoạch đấu thầu, HSMT, kết quả xét thầu các gói thầu mua sắm, đầu tư theo quy định luật đấu thầu và của Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Cử người đại diện, ủy quyền đại diện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác và quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

s) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty mà theo đó gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty. Thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách hoặc bán chuyên trách(kiêm nhiệm).

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị :

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật và Luật doanh nghiệp;

b)Có kiến thức pháp luật, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 5 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì trong thời hạn 10 ngày, Hội đồng quản trị phải họp bầu người thay thế.

Điều 27. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1 . Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày làm việc. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

3.Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 Cán bộ quản lý.

b) Hai thành viên Hội đồng quản trị.

c) Đa số thành viên Ban kiểm soát.

d) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ của Công ty

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong vòng 15 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Theo yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo và chương trình họp phải được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị trước ngày họp dự kiến ít nhất 5 ngày làm việc. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp, việc không tham dự cuộc họp phải được xác nhận bằng văn bản. Thông báo cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt. Thông báo về chương trình họp, thời gian và địa điểm họp phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (*Ba phần tư*) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếphoặc qua người đại diện thay thế.

9.Quyền biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

b) Một thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ Người có liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c)Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. Trong trường hợp thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình theo quy định tại điểm b khoản này, thì vấn đề này sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách rõ ràng và đầy đủ.

10.Tuyên bố lợi ích: một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến sẽ ký kết với Công ty thì phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (*trên 50%)* số thành viên Hội đồng

quản trị có quyền biểu quyết có mặt hoặc biểu quyết thông qua văn bản. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12.Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu biểu quyết này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Công ty không muộn hơn 1 giờ trước thời gian dự kiến họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a).Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b). Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (*cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng*) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "*có mặt*" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Phê chuẩn nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản: nghị quyết được thông qua dưới hình thức gửi văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị tham gia thông qua nghị quyết.

Số lượng những thành viên tham gia thông qua nghị quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị ký.

15. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải

được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, Biên bản và tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Những người được mời dự họp trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà không là thành viên Hội đồng quản trị Công ty thì không được quyền biểu quyết.

17.Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra theo từng thời kỳ. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

18.Giá trị pháp lý của hành động: mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

1. Công ty có 01 (một) Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm dựa trên đề xuất của Tổng Giám đốc.

2. Các chức danh cán bộ quản lý khác không quy định tại khoản 1 điều này do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được HĐQT phê duyệt (các chức danh trưởng, phó của phòng, ban, phân xưởng, xí nghiệp).

Điều 29.Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng và các chức danh Cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để thực hiện các công việc quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề ra theo từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có năng lực và phẩm chất cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, phụ cấp, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Mức lương, phụ cấp, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những cán bộ quản lý khác do Tổng Giám đốc quyết định sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

Tổng Giám đốc có thể là ủy viên HĐQT công ty hoặc là cán bộ công ty hoặc là người ngoài công ty do HĐQT lựa chọn và quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải có các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật và Luật doanh nghiệp.

b) Có kiến thức pháp luật, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời là Người tham gia điều hành của doanh nghiệp khác bất kỳ.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và các vấn đề đó không thuộc phạm vi phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông(Quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Điều lệ này).

b) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Đề nghị HĐQT phương án mô hình, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động theo quy chế, quy định của công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị;

j) Đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định số lượng lao động, quyền lợi và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người lao động trong Công ty, kể cả Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

k) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm tài chính tiếp theo và điều chỉnh kế hoạch SXKD của công ty phù hợp với kế hoạch tài chính trung và dài hạn của Công ty trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

l) Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, các quy chế quy định quản lý nội bộ công ty và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

m) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, thực hiện việc báo cáo khi được yêu cầu

n).Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và tuân thủ pháp luật.

4. Tổng Giám đốc điều hành phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi ít nhất 2/3 (*hai phần ba*) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành(trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi miễn này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc.

1. Công ty trả lương Chủ tịch HĐQT, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

a) Lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tổng Giám đốc điều hành được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc điều hành phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 33. Nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối.

2. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Công ty sẽ bồi thường cho những người quản lý Công ty nếu như người đó đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (*mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty*) nếu:

a) Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty.

b) Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ Pháp luật.

c) Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; và

d) Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (*kể cả chi phí thuê luật sư*), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 34. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người có liên quan của họ

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử người để bầu vào Ban kiểm soát. Các Cổ đông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết nằm trong khoảng tù 10% đến dưới 30% thì được quyền đề cử 1 người; nếu từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử 2 người; nếu từ 50% đến 70% thì được đề cử 3 người để bầu vào Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

c) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông, đại diện cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty; Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a). Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát.

b). Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát.

c). Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát được cung cấp thông tin theo Điều 166 Luật doanh nghiệp

6. Mức thù lao cho thành viên Ban kiểm soát không vượt quá mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng số tiền thù lao cho Ban kiểm soát và số tiền mà mỗi thành viên nhận được phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

8. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu có nhiệm kỳ là 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 (*một phần ba*) số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

9. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát.

b) Gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g) Là thành viên đại diện thuộc một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

10. Các thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm Bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa chỉ, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.

e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của công ty.

11. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người đại diện theo uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, danh sách các Cổ đông, các biên bản của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và những hồ sơ khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và phải có trách nhiệm bảo mật những thông tin này.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông.

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định và nghị quyết đã được thông qua.

e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

f) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính.

g) Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

Công ty phải lưu giữ các tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc ở nơi khác nhưng phải thông báo cho Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của Pháp luật.

h) Cổ đông được Công ty cấp một bản điều lệ công ty miễn phí. Nếu công ty có website thì Điều lệ này được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 37. Cổ tức

1. Mức chia cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể phải chi trả liên quan tới cổ phần.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể *(có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành)* và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phần nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách

nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Ngoài những hình thức nêu trên, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể *(Ngày khóa sổ)* làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, cổ phần, thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ có thể cùng ngày hoặc vào bất cứ ngày nào trước khi việc nhận các quyền lợi trên được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần hoặc chứng khoán liên quan.

8.Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

9. Trường hợp việc trả cổ tức trái với quy định trên thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 38. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.

Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo quy chế của Công ty.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền *(nếu Pháp luật yêu cầu),* Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu cần thiết.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Các quỹ của Công ty

1. Hàng năm, Công ty phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi số dư Quỹ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác của Công ty (Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển,..) do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong cùng năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 42. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam(VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 43. Báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm: (a) Bảng cân đối kế toán, (b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, (c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và (d) Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo quy định của Nhà nước và phải phản ánh trung thực, khách quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và đưa lên Website.

Điều 44. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Báo cáo tài chính năm và các tài liệu khác sẽ được công bố theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán công ty

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị quyết định chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên.

2. Công ty phải lập báo cáo tài chính, cung cấp các tài liệu cần thiết cho tổ chức kiểm toán độc lập được chỉ định thực hiện hoạt động kiểm toán khi kết thúc năm tài chính.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm và gửi tới Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp đó, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV
CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a) Tên Công ty;

b) Mã số doanh nghiệp của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và của Công ty.

3. Trước khi sử dụng, Công ty phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.

b) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty.

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Trong đó, phải có 1 thành viên thuộc 1 tổ chức kiểm toán độc lập. Các thành viên còn lại có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý.

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên.

c) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

d) Các khoản vay (nếu có).

e) Các khoản nợ khác của Công ty.

f) Số tiền còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến c khoản này sẽ được phân chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần sở hữu. Các Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi cổ tức được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

a) Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Một Cổ đông hay một nhóm Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

-Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu

mỗi bên trình bày các nội dung liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

-Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một bên thứ ba độc lập, phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

3. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XVIII

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 53. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

2. Tổng Giám đốc tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, xây dựng cơ chế

tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, phúc lợi, kỷ luật ... đối với người lao động, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa Công ty với các tổ chức đoàn thể.

CHƯƠNG XX
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương 55 Điều, được sửa đổi bổ sung lần thứ 5 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 19/5/2016 của Công ty và có hiệu lực kể từ khi ký và ban hành

Điều 55. Chữ ký của các cổ đông sáng lập

T	Tên cổ đông	Chữ ký của cổ đông /Đại diện cổ đông
	Tập đoàn điện lực Việt Nam	1.Nguyễn Hữu Hằng: (đã ký) 2.Nguyễn Tường Tấn:(đã ký)
	Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại	-Nguyễn Khắc Sơn:(đã ký)
	Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	-Trần Hữu Nam:(đã ký)
	Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	-Nguyễn Văn Dũng:(đã ký)
	Công ty cổ phần Cơ khí điện lực	-Nguyễn Văn Tiến:(đã ký)
	Công ty cổ phần chế tạo thiết bị điện	-Trần Văn Quang:(đã ký)
	Công ty cổ phần LILAMA 69-1	-Hà Văn Mỳ:(đã ký)
	Công ty nhiệt điện Uông Bí	-Phùng Văn Sinh:(đã ký)
	Công ty nhiệt điện Ninh Bình	-Đỗ Hoành Khôi:(đã ký)

Phụ lục

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Địa chỉ trụ sở	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn góp					Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện phần vốn góp của cổ đông sáng lập
								Tổng số cổ phần		Sở hữu vốn	Loại cổ phần: phổ thông			
								Số lượng cổ phần	Giá trị (Tỷ đồng)		Số lượng cổ phần	Giá trị (Tỷ đồng)		
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		Việt Nam			Số18 đường Trần Nguyên Hãn-Quận Hoàn Kiếm- TP Hà Nội	0106000804 Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 21/11/2006	1.750.000	17,5	Của pháp nhân	1.750.000	17,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Hữu Hằng (Đã ký) Nguyễn Tường Tấn
2	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PLPC)		Việt Nam			Thị trấn Phả Lại-Chí Linh - Hải Dương	0403000380 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/05/2007	750.000	7,5	Của pháp nhân	750.000	7,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Khắc Sơn
3	Công ty Nhiệt điện Uông Bí		Việt Nam			Thị xã Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh	2206000008 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 5/01/2007	500.000	5	Của pháp nhân	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Phùng Văn Sinh
4	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng		Việt Nam			Xã Tam Hưng-Huyện Thuỷ Nguyên- TP Hải Phòng	0203000279 Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/4/2006	500.000	5	Của pháp nhân	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Trần Hữu Nam

5	Công ty Nhiệt điện Ninh Bình		Việt Nam			Đường Hoàng Diệu-Phường Thanh Bình-Thị xã Ninh Bình-Tỉnh Ninh Bình	09-06-000.004 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/01/2007	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Đỗ Hoành Khôi
6	Công ty CP chế tạo thiết bị điện		Việt Nam			Thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội	0103008085 Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2007	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Trần Văn Quang
7	Công ty CP Cơ khí điện lực		Việt Nam			Số 150 đường Hà Huy Tập-Thị trấn Yên Viên-Huyện Gia Lâm-TP Hà Nội	0103007120 Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7/4/2006	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Văn Tiến
8	Công ty CP LILAMA 69-1		Việt Nam			Số 17 đường Lý Thái Tổ-Phường Suối Hoa- TP Bắc Ninh-Tỉnh Bắc Ninh	21.03.000.149 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/01/2006	250.000	2,5	Của pháp nhân	250.000	2,5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Hà Văn Mỳ
9	Công ty Cp nhiệt điện Quảng Ninh		Việt Nam			Tổ 33 khu 5 - Phường Hà Khánh- TP Hạ Long- Tỉnh Quảng Ninh	2203000081 Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2007	500.000	5	Của pháp nhân	500.000	5	- Sau 15 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 70% - Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp ĐKKD góp 30%	(Đã ký) Nguyễn Văn Dũng

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hằng

MỤC LỤC

Mục	Nội dung	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA MIỀN BẮC**	1
CHƯƠNG I	**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**	1
Điều 1.	Định nghĩa	1
CHƯƠNG II	**TÊN HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	2
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở,chi nhánh,văn phòng đại điện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
CHƯƠNG III	**LĨNH VỰC KINH DOANH**	3
Điều 3.	Lĩnh vực kinh doanh	3
Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
CHƯƠNG IV	**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**	4
Điều 5.	Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	4
Điều 6.	Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận cổ đông	5
Điều 7.	Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 8.	Chào bán cổ phần, trái phiếu, mua lại cổ phần trái phiếu	7
CHƯƠNG V	**CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**	7
Điều 9	Cơ cấu tổ chức của Công ty	7
CHƯƠNG VI	**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY**	7
Điều 10	Quyền hạn của Cổ đông công ty	7
Điều 11	Nghĩa vụ của Cổ đông công ty	8
Điều 12	Đại hội cổ đông công ty	9
Điều 13	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14	Người đại diện theo uỷ quyền	11
Điều 15	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13

Điều 17	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18	Điều kiện để nghị quyết thông qua	16
Điều 19	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22	Hiệu lực các nghị quyết đại hội đồng cổ đông	19
CHƯƠNG VII	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRI**	19
Điều 23	Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 24	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viện Hội đồng quản trị	20
Điều 25	Hội đồng quản trị	21
Điều 26	Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 27	Cuộc họp Hội đồng quản trị	24
CHƯƠNG VIII	**GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ, QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CTY**	27
Điều 28	Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 29	Người quản lý	28
Điều 30	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	28
Điều 31	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	30
Điều 32	Thư ký Công ty	30
Điều 33	Nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty	30
Điều 34	Hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.	32
CHƯƠNG I X	**BAN KIỂM SOÁT**	32

Điều 35	Ban kiểm soát	32
CHƯƠNG X	**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**	36
Điều 36	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XI	**PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**	37
Điều 37	Cổ tức	37
Điều 38	Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận	38
CHƯƠNG XII	**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**	38
Điều 39	Tài khoản ngân hàng	38
Điều 40	Các quỹ của công ty	39
Điều 41	Năm tài chính	39
Điều 42	Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG XIII	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**	39
Điều 43	Báo cáo tài chính	39
Điều 44	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
CHƯƠNG XIV	**KIỂM TOÁN CÔNG TY**	40
Điều 45	Kiểm toán công ty	40
CHƯƠNG XV	**CON DẤU**	40
Điều 46	Con dấu	40
CHƯƠNG XVI	**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**	41
Điều 47	Chấm dứt hoạt động	41
Điều 48	Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT,Tổng giám đốc	41
Điều 49	Gia hạn hoạt động	41
Điều 50	Thanh lý	42
CHƯƠNG XVII	**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**	42
Điều 51	Giải quyết tranh chấp nội bộ	42

CHƯƠNG XVIII	**SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**	43
Điều 52	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	43
CHƯƠNG XIX	**HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC**	43
Điều 53	Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác	43
CHƯƠNG XX	**NGÀY HIỆU LỰC**	44
Điều 54	Ngày hiệu lực	44
Điều 55	Chữ ký của các Cổ đông sáng lập	44
	DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	45
	MỤC LỤC	47